

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày: 04-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tâm

2. Ông Thông Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 28/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 14/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lê Trạc T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: ông Lê Văn X, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Minh H – sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Phương C, sinh năm 1966.
Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt ông Lê Trạc T, bà Lê Phương C và bà Nguyễn Thị Minh H; ông Lê Văn X vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Trạc T trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 27/3/2012 vợ chồng ông có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H và ông Lê Văn X vay 150.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 25/3/2013, tiền lãi hai bên thỏa thuận bằng lời nói với mức lãi suất 10%/năm; bà H và ông X vay tiền để đầu tư làm vườn thanh long của gia đình. Khi hết thời hạn vay thì ông X, bà H không trả nợ gốc và tiền lãi, vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng họ không trả, đến ngày 20/7/2022 thì bà H và ông X có trả cho vợ chồng ông 15.000.000 đồng tiền lãi. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông X, bà H có nghĩa vụ trả 150.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 09%/năm kể từ ngày 25/3/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (làm tròn là 10 năm) với tổng số tiền 135.000.000 đồng, ông đồng ý căn trừ 15.000.000 đồng tiền lãi mà ông X và bà H đã trả vào tổng số tiền lãi mà họ phải trả; đồng thời, tự nguyện cho ông Lê Văn X, bà Nguyễn Thị Minh H 10.000.000 đồng tiền lãi trong tổng số tiền lãi còn lại mà họ phải trả cho vợ chồng ông.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Bà thừa nhận bà và ông Lê Văn X có vay của vợ chồng ông Lê Trạc T, bà Lê Phương C số tiền 150.000.000 đồng đến nay chưa trả, mục đích vay là để đầu tư bình điện phục vụ cho việc trồng thanh long của gia đình. Bà đồng ý cùng ông Lê Văn X có trách nhiệm trả 150.000.000 đồng nợ gốc cho ông T, bà C. Về tiền lãi của khoản vay: từ năm 2012 đến năm 2016 vợ chồng bà có trả tiền lãi cho vợ chồng ông T, bà C nhiều lần nhưng bà không nhớ ngày tháng cụ thể, không nhớ tổng số tiền lãi đã trả và chỉ có Biên nhận ngày 20/7/2022 về việc trả 15.000.000 đồng tiền lãi để cung cấp cho Tòa án. Nay bà đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án căn trừ số tiền 15.000.000 đồng tiền lãi mà vợ chồng bà đã trả trước đó vào tổng tiền lãi phải trả.

- Bị đơn ông Lê Văn X vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Phương C trình bày:

Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và phần trình bày của ông Lê Trạc T.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng pháp luật; đương sự chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Quyết định số 2868/QĐ/NHNN ngày 29/01/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị Hội đồng xét xử:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Trạc T và bà Lê Phương C về việc cho ông Lê Văn X, bà Nguyễn Thị Minh H 10.000.000 đồng tiền lãi trong tổng số tiền lãi mà cho ông Lê Văn X, bà Nguyễn Thị Minh H phải trả.

Tuyên buộc ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị Minh H có nghĩa vụ trả số tiền 150.000.000 đồng nợ gốc và 110.000.000 đồng tiền lãi cho ông Lê Trạc T và bà Lê Phương C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Xét đơn khởi kiện của ông Lê Trạc T và căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Bị đơn ông Lê Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Lê Văn X.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: ông Lê Trạc T yêu cầu ông Lê Văn X, bà Nguyễn Thị Minh H trả số tiền 150.000.000 đồng nợ gốc, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Minh H thừa nhận bà và ông Lê Văn X có vay vợ chồng ông Lê Trạc T số tiền này để phát triển kinh tế gia đình, đến nay chưa trả; ông Lê Văn X biết việc khởi kiện của ông Lê Trạc T nhưng không có ý kiến phản đối và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã trả số tiền này cho vợ chồng ông Lê Trạc T. Do đó, ông Lê Trạc T yêu cầu ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị Minh H trả 150.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ để Tòa án chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị Minh H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Trạc T và bà Lê Phương C số tiền 150.000.000 đồng nợ gốc.

[2.2] Về tiền lãi: “Giấy mượn tiền” đề ngày 27/3/2012 do ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị Minh H lập không có nội dung thỏa thuận về mức lãi suất của khoản vay; các đương sự xác định có thỏa thuận về lãi suất nhưng trình bày không thống nhất, cụ thể: ông Lê Trạc T và bà Lê Phương C xác định hai bên thỏa thuận lãi 10%/năm và đến nay bị đơn mới trả cho ông bà số tiền 15.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 20/7/2022; bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H cho rằng lãi suất vợ chồng bà phải trả là 36%/năm, từ năm 2012 đến năm 2016 vợ chồng bà có trả lãi cho vợ chồng ông T nhiều lần, nhưng bà không nhớ trả vào ngày tháng cụ thể, không nhớ tổng số tiền lãi đã trả và chỉ có Biên nhận ngày 20/7/2022 về việc trả 15.000.000 đồng tiền lãi để cung cấp. Do đó, Tòa án xác định đây là trường hợp có tranh chấp về lãi suất. Đối với khoản vay này, ngoài việc chứng minh đã trả được 15.000.000 đồng tiền lãi cho nguyên đơn thì bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã trả lãi cho nguyên đơn nhiều lần, đồng thời cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Do đó, xét thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phù hợp

với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Quyết định số 2868/QĐ/NHNN ngày 29/01/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Tòa án chấp nhận; theo đó, bị đơn phải trả tiền lãi của khoản nợ vay cho nguyên đơn là $150.000.000 \text{ đồng} \times 9,0\% \times 10 \text{ năm} = 135.000.000 \text{ đồng}$, trừ 15.000.000 đồng tiền lãi mà bị đơn đã trả thì đến nay bị đơn phải tiếp tục trả 120.000.000 đồng tiền lãi cho nguyên đơn.

[3] Tại phiên tòa, ông Lê Trạc T và bà Lê Phương C có ý kiến tự nguyện cho ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị Minh H 10.000.000 đồng tiền lãi trong tổng số tiền lãi phải trả. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trạc T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Trạc T và bà Lê Phương C về việc cho ông Lê Văn X, bà Nguyễn Thị Minh H 10.000.000 đồng tiền lãi trong tổng số tiền lãi phải trả.

2. Buộc ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị Minh H có nghĩa vụ trả số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng nợ gốc và 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng tiền lãi với tổng số tiền 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng cho ông Lê Trạc T và bà Lê Phương C.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều

357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu 13.000.000 (mười ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Trạc T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

4. Quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Phương

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Tâm Nguyễn Thanh Phương Nguyễn Thị Phương

